TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2020/HS-ST
Ngày 03-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Vũ Đăng Đông – Cán bộ nghỉ hưu

Ông Phạm Văn Quang – Cán bộ giáo viên nghỉ hưu.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:**

Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 2000, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T và bà Lê Thị H; tiền án: không,tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 60/2019/HSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xử phạt T 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị bắt, tạm giam ngày 13/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

- ***Người bào chữa cho bị cáo***: Ông Phạm Văn Điều - Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương.

- Bị hại:

1. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bà Nh vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Nh: Bà Nguyễn Thị Chi - Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương.

Bà Chi có mặt.

2. Ông Đặng X V, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị D, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Đặng X V.

Ông V vắng mặt.

3. Anh Vũ Phương T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Vũ Phương N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1, anh N: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. (là mẹ đẻ của anh T1, anh N).

Bà H Có mặt tại phiên tòa.

5. Anh Lê Văn T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Anh T2 vắng mặt.

6. Ông Đỗ Văn X, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị D, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn T xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Đỗ Văn X.

Ông X vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Cháu Dương Công T3, sinh ngày 11/12/2004.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Cháu T3 có mặt.

Người đại diện cho cháu T3: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Là mẹ đẻ của Dương Công T3)

Bà H có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu T3: Bà Nguyễn Thị Liên - Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương.

Bà Liên có mặt.

2- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

3 – Ông Dương Công T1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

4 – Ông Đoàn Văn H1 , sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

*** Những người làm chứng:**

1- Cháu Trần Văn S, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2- Cháu Bùi Thị C, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B,tỉnh Hải Dương.

3- Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

4- Anh Nhữ Văn Ng, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

5- Ông Hoàng Trung Th, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Phủ, xã Thái Học, huyện B, tỉnh Hải Dương.

6- Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

7- Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

8- Anh Nguyễn Duy P.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 09/10/2019 đến ngày 05/11/2019 Lê Văn T đã 5 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 09/10/2019 T gặp Dương Công T3, sinh ngày 11/12/2004 tại quán "Huân Game" ở Thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. T nói với T3 "Mày đi xem kiếm được gì thì kiếm", ý T bảo T3 đi trộm cắp tài sản, T3 hiểu ý T và đồng ý. T đưa xe mô tô BKS 34M6-9228 của T, cho T3. T3 điều khiển xe mô tô đến thôn Bằng Giã, xã Tân Việt, huyện Bình Giang thì phát hiện nhà ông Đặng Xuân V, sinh năm 1963 và vợ là bà Vũ Thị D, sinh năm 1965, khóa cổng, cửa sổ quay ra đường mở không có chấn song. T3 dựng xe mô tô ở ngõ gần vị trí cửa sổ quay ra đường rồi trèo qua lối cửa sổ vào trong nhà, T3 trèo qua cửa sổ buồng ngủ vào trong và lục tủ quần áo, phát hiện túi áo comle treo trong tủ có một tập tiền gồm 02 tờ polime mệnh giá 500.000 đồng và 15 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng. T3 lấy tập tiền đút vào túi quần, trèo qua cửa sổ phòng ngủ ra sân và nhảy qua tường rào ra vị trí dựng xe máy thì bị ông Đặng X V bắt gặp. Ông V hỏi T3 vào nhà ông V làm gì, T3 trả lời vào vặt ổi nên ông V để T3 đi. Ông V vào nhà kiểm tra mới phát hiện bị mất 4.000.000 đồng. T3 về gặp T tại quán "Huân game" và đưa cho T 15 tờ mệnh giá 200.000 đồng và giữ 2 tờ mệnh giá 500.000 đồng trong túi quần. T sờ túi quần T3 thấy còn 2 tờ 500.000 đồng, T lấy 01 tờ và để lại cho T3 01 tờ. Tổng số tiền T3 lấy của ông V là 4.000.000 đồng, đưa T 3.500.000 đồng và giữ lại 500.000 đồng, T và T3 đã tiêu sài cá nhân hết. Ông V và bà D không yêu cầu bồi thường dân sự;

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 16/10/2019, T gặp T3 ở thôn Trạch Xá, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang. T rủ T3 đi trộm cắp tài sản, T3 đồng ý. Khoảng 22 giờ, T điều khiển xe máy 34M6-9228 chở T3 đến thôn Lôi Khê, xã Hồng Khê, huyện Bình Giang phát hiện nhà anh Vũ Phương T1, sinh năm 1982 và anh Vũ Phương N, sinh năm 1987, cổng khóa, cửa nhà mở. T bảo T3 "nhà kia dễ lấy, mày đi cùng tao vào trộm cắp", T3 nói "mày vào trộm một mình đi, tao đứng ngoài thôi". T trèo qua tường bao, đi qua cửa ngách buồng vào trong nhà, lấy ở đầu giường của anh N 01 điện thoại điện thoại Xiaomi redmi note 7 màu đỏ và 01 điện thoại Xiaomi MiA2 lite màu đen. T đi ra phòng khách tiếp tục lấy của anh T1 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng gold màn hình bị vỡ, 01 điện thoại OPPO A5S màu xanh. T bán điện thoại Xiaomi MiA2 màu đen và Iphone 6 plus màu vàng gold cho anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1989 ở thôn Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang được tổng số tiền 1.400.000 đồng. Chiếc điện thoại Xiaomi redmi note 7 màu đỏ T bán cho anh Nhữ Văn Ng, sinh năm 1984 ở thôn P, xã T, huyện B được 2.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại OPPO A5S màu xanh T bán cho cửa hàng điện thoại ở thành phố Hải Dương (không xác định được địa điểm) được 1.300.000 đồng. Tổng số tiền T bán 4 điện thoại là 4.700.000 đồng, T tiêu sài cá nhân hết. Anh T1 yêu cầu T bồi thường 5.200.000 đồng. Anh N yêu cầu T bồi thường 4.500.000 đồng;

Kết luận định giá số 09/KL-HĐĐG ngày 11/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Bình Giang kết luận: 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng mặt kính bị nứt trị giá 3.200.000 đồng; 01 điện thoại Oppo A5s màu xanh trị giá 2.000.000 đồng; 01 điện thoại Xiaomi Redmi note 7 màu đỏ trị giá 2.800.000 đồng; 01 điện thoại xiaomi MiA2 Lite màu đen trị giá 1.700.000 đồng. Tổng trị giá của tài sản là 9.700.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/10/2019, Lê Văn T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream (không xác định được biển số xe) của Nguyễn Duy P sinh ngày 20/7/2003 trú tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương đi đến quán điện tử "Huân Game" tại thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh, huyện Bình Giang để chơi điện tử. Tại đây, T gặp và rủ T3 "Có đi kiếm tí không" ý nói đi trộm cắp tài sản, T3 hiểu ý T và đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở T3 đi đến thôn My Khê, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, phát hiện nhà bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1936 khóa cổng, không khóa cửa, T3 bảo với T "cho em dừng ở đây". T3 xuống xe đi vào lối ngõ cạnh cổng chính, trèo lên cổng bê tông để cạnh tường rồi nhảy qua tường rào vào trong nhà bà Nh. T3 nhìn thấy chiếc tủ đứng 2 ngăn, ngăn bên phải có khóa. T3 lấy 1 thanh sắt mỏng dài khoảng 1 mét, bề ngang 05 cm bẩy cánh tủ có khóa ra. T3 lục tủ và lấy 01 dây chuyền 03 chỉ bằng vàng 24k, 01 đôi khuyên tai 02 chỉ bằng vàng 24k và 01 đôi khuyên tai nụ 01 chỉ bằng vàng 24k. Sau đó, T3 và T đến thôn Phủ, xã Thái Học để bán vàng. T3 ngồi ngoài chờ, T đi vào cửa hàng vàng bạc "H2 - Anh" bán cho chị Vũ Thị H2, sinh năm 1986, 01 đôi khuyên tai nụ 01 chỉ bằng vàng 24k được 4.050.000 đồng. T đưa cho T3 1.690.000 đồng và bảo với T3 bán T3 bộ số vàng được số tiền đó. T3 đưa lại cho T 500.000 đồng, T3 cầm 1.190.000 đồng. Đến 19 giờ cùng ngày, T mang đôi khuyên tai 2 chỉ bằng vàng 24k đến cửa hàng vàng"Thành Hằng" bán cho ông Hoàng Trung Th, sinh năm 1958 ở thôn P, xã T được 8.000.000 đồng. Khoảng 10 giờ ngày 31/10/2019, T mang dây chuyền 3 chỉ bằng vàng 24k đến của hàng vàng bạc "Tiến - Triển" bán cho bà Trần Thị Th2, sinh năm 1965 ở thôn P, xã T, huyện B được 12.150.000 đồng. Tổng số tiền T được hưởng lợi từ việc bán vàng đã chiếm đoạt của bà Nh là 23.010.000 đồng, T3 được hưởng 1.190.000 đồng. T và T3 đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Khi bán T không nói nguồn gốc số vàng do T trộm cắp cho chủ cửa hàng biết. Sau khi mua vàng của T, các tiệm vàng đều đã gia công, chế tác thành các sản phẩm khác và bán cho khách do vậy không thu giữ được. Khi mượn xe mô tô của P, T không nói cho P biết mục đích sử dụng xe vào việc trộm cắp. Bà Phạm Thị Nh yêu cầu bồi thường cho bà Nh trị giá tài sản mà T đã chiếm đoạt là 24.300.000 đồng;

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 08/11/2019 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24k dài khoảng 40cm, trọng lượng 03 chỉ có giá trị 12.150.000 đồng; 01 đôi hoa tai bằng vàng 24k có đính đá màu trắng, trọng lượng 02 chỉ có giá trị là 8.100.000 đồng; 01 đôi khuyên tai nụ bằng vàng 24k trọng lượng 01 chỉ là 4.050.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 24.300.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 14 giờ ngày 31/10/2019, T gặp T3 ở quán "Huân Game" ở thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh, T rủ T3 đi trộm cắp, T3 đồng ý. T chở T3 bằng xe mô tô BKS 34M6-9228 của T, đi đến thôn Phú Bùi, xã Hồng Khê, huyện Bình Giang T3 ngồi sau phát hiện thấy nhà anh Lê Văn T2, sinh năm 1975, khóa cổng nhưng không khóa cửa nhà. T3 bảo T dừng xe, T đứng ngoài cảnh giới để T3 trèo tường nhảy vào trong nhà, đi qua cửa ngách vào gian buồng bên trong thấy 01 tủ nhựa màu trắng, có khóa, T3 dùng tay giật mạnh bung khóa tủ và lấy 01 điện thoại Iphone 6 màu đen, T3 trèo tường ra ngoài theo lối đã vào và giao cho Lê Văn T quản lý. T3 và T thống nhất T đưa cho T3 300.000 đồng và T T3 quyền quyết định đối với chiếc Iphone 6 màu đen của anh T2. Tối ngày 03/01/2019 T đã cho chị Bùi Thị C, sinh

ngày 09/01/2002 ở thôn K, xã T, huyện B là bạn của T chiếc điện thoại Iphone 6 màu đen. Khi cho chị C, T không nói nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh T2. Anh T2 không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự;

Kết luận định giá số 10/KL-HĐĐG 11/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Bình Giang kết luận: 01 điện thoại Iphone 6 màu đen có trị giá 2.200.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/11/2019, Trần Văn S, sinh ngày 04/10/2001 ở thôn T, xã H huyện B, tỉnh Hải Dương đến nhà Lê Văn T chơi. T bảo S đi đón T3 ở quán "Huân Game" về để cùng S đi trộm cắp tài sản, nếu lấy được gì thì gọi điện cho T. Sau khi nghe T nói S đồng ý. T giao xe mô tô BKS 34M6-9228 cho S và T3 để đi trộm cắp tài sản. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T3 điều khiển xe chở S ngồi sau, khi đi đến thôn Trinh Nữ, xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, T3 phát hiện nhà ông Đỗ Văn X, sinh năm 1955 có vợ là Vũ Thị D, sinh năm 1953 khóa cổng nhưng không khóa cửa, T3 xuống xe, trèo tường vào nhà ông X, S đứng ngoài cảnh giới. T3 thấy trên mặt tủ gỗ trong buồng để 01 điện thoại Nokia 105; 01 điện thoại masstel Fami 12 màu đen. T3 lấy 2 điện thoại đút vào túi quần khi chạy ra đường thì bị bà D bắt quả tang. Ông X, bà D không yêu cầu bồi thường dân sự.

- Kết luận định giá số 10A/KL-HĐĐG 11/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Bình Giang kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen và 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel fami 12 trị giá 450.000 đồng .

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 22/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo Lê Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, tính từ ngày bị tạm giam 13/11/2019 và tổng hợp hình phạt 10 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm 60/2019/HSST ngày 01/11/2019 , buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo T bồi thường cho bà Phạm Thị Nh số tiền 20.110.000 đồng, bồi thường cho anh Vũ Phương N 4.500.000 đồng, bồi thường cho anh T1 5.200.000 đồng.

Dương Công T3 chưa đủ 15 tuổi, không có tài sản riêng do vậy người đại diện hợp pháp của T3 là bà Vũ Thị H phải bồi thường cho bà Phạm Thị Nh 1.190.000 đồng.

Về vật chứng: tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước xe mô tô nhãn hiệu AURIGA (kèm theo đăng ký xe).

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ điện thoại iphone 6 plus.

Về án phí: Miễn cho bị cáo T án phí hình sự, dân sự sơ thẩm (do là hộ nghèo).

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc hoàn cảnh khó khăn của bị cáo để xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, đối với phần thiệt hại chưa bồi thường cho bà Nh, phần thiệt hại gây ra cho các bị hại khác có yêu cầu, đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị cáo Lê Văn T khai nhận đã thực hiện hành vi rủ rê T3, S thực hiện các hành vi lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ, nội dung cụ thể sự việc của từng lần chiếm đoạt như nêu trên. Bị cáo nhất trí với quan điểm người bào chữa.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nh yêu cầu bị cáo và Dương Công T3 phải bồi thường cho bà Nh phần thiệt hại còn lại là 21.300.000 đồng.

Người đại diện của bị hại anh Vũ Phương N, Vũ Phương T1 là bà Vũ Thị H yêu cầu giải quyết trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định và yêu cầu bị cáo và cháu Dương Công T3 bồi thường cho anh T1 số tiền 5.200.000 đồng; cho anh N số tiền 4.500.000 đồng.

Bị hại là ông V, bà Dự; anh T2; ông X, bà D không yêu cầu bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu T3 trình bày quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xác định nghĩa vụ của cháu T3 bồi thường cho bà Nh số tiền tương ứng với phần T3 được T chia là 1.190.000 đồng; đối với thiệt hại gây ra cho anh T1, anh N, do T3 không được T chia cho phần nào từ tiền có được sau khi đem bán tài sản trộm cắp, nên cần buộc bị cáo T phải bồi thường T3 bộ, không buộc T3 phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị H nhất trí bồi thường thay phần của Dương Công T3 cho bị hại theo quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích của cháu T3 đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Công T3 khai nhận đã được T rủ rê thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác vì T3 cũng cần tiền để chi tiêu cá nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của Lê Văn T.

Lời khai của bị cáo Lê Văn T phù hợp với lời khai của các bị hại, của Dương Công T3, của những người làm chứng nên có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của các chủ tài sản, Lê Văn T, Dương Công T3, Trần Văn S đã cùng nhau thực hiện các hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác, cụ thể như sau:

Ngày 09/10/2019, T và Dương Công T3 đã chiếm đoạt tài sản của gia đình ông Đặng X V và bà Vũ Thị D số tiền 4.000.000 đồng .

Ngày 16/10/2019, T và Dương Công T3 đã chiếm đoạt tài sản của gia đình anh Vũ Phương T1 và anh Vũ Phương N, gồm: 01 điện thoại điện thoại Xiaomi redmi note 7 màu đỏ và 01 điện thoại Xiaomi MiA2 lite màu đen của anh N; 01 điện thoại điện thoại Xiaomi redmi note 7 màu đỏ và 01 điện thoại Xiaomi MiA2 lite màu đen của anh T1. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.700.000 đồng.

Ngày 30/10/2019, T và Dương Công T3 đã chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị Nh ở thôn My Khê, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tài sản gồm: 01 dây chuyền 03 chỉ bằng vàng 24k, 01 đôi khuyên tai 02 chỉ bằng vàng 24k và 01 đôi khuyên tai nụ 01 chỉ bằng vàng 24k. Tổng trị giá tài sản là 24.300.000 đồng.

Ngày 31/10/2019, T và Dương Công T3 đã chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn T2 ở thôn Phú Bùi, xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương 01 điện thoại Iphone 6 màu đen trị giá 2.200.000 đồng ở trong tủ nhựa để trong nhà.

Ngày 05/11/2019, T bảo Trần Văn S đi rủ Dương Công T3 đi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng việc lợi dụng sơ hở của họ trong quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt. S đồng ý, được T giao xe máy làm phương tiện. S đi đón T3 rồi cùng T3 vào nhà ông Đỗ Văn X và bà Vũ Thị D ở thôn Trinh Nữ, xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương và chiếm đoạt tài sản gồm: 01 điện thoại Nokia 105; 01 điện thoại masstel Fami 12 màu đen để trong tủ gỗ ở trong nhà. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 450.000 đồng.

Như vậy, tổng tài sản bị T và T3, S chiếm đoạt của các chủ tài sản là 40.650.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo T cùng với T3, S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức rõ được hậu quả nguy hiểm nhưng vẫn thực hiện hành vi là có lỗi cố ý. Do vậy, hành vi của bị cáo T đã phạm tội trộm cắp tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện 04 hành vi chiếm đoạt, mỗi lần đều đã đủ yếu tố cấu thành

tội phạm, ngoài ra bị cáo cũng thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản khác và đã bị xử lý trong bản án hình sự số 60/2019/HSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang tuy nhiên, quá trình điều tra xác định được bị cáo vẫn sống cùng bố mẹ đẻ, vẫn được bố mẹ đẻ cho ăn ở, sinh hoạt cùng; số tiền bị cáo chiếm đoạt được bị cáo không sử dụng là nguồn sống chính mà chỉ để thỏa mãn việc tiêu sài cá nhân, chơi Game nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng định khung là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân: T có nhân thân không tốt, tại Bản án số 60/2019/HSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang đã xử phạt T 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị tạm giam nhưng đã tích cực tác động đến gia đình thay bị cáo bồi thường một phần (do hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn nên chưa bồi thường được T3 bộ) thiệt hại cho bị hại; bị cáo khi bị điều tra về hành vi phạm tội ngày 30/10/2019 tại gia đình bà Phạm Thị Nh, đã tự khai báo về hành vi phạm tội tại gia đình anh T1, anh N; anh T2; ông Đặng X V; bị hại bà Nh xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; nên bị cáo được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; tự thú được quy định tại điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo thực hiện 05 lần chiếm đoạt tài sản, trong đó có 04 lần chiếm đoạt tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở nên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Do bị cáo đang chấp hành hình phạt 10 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HSST ngày 01/11/2019 của TAND huyện Bình Giang, nên cần tổng hợp hình phạt tù của 02 bản án, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng với T3 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Đặng Xuân V; vợ chồng ông Đỗ Văn X; anh Vũ Phương T1; anh Vũ Phương N; Bà Phạm Thị Nh, Anh Lê Văn T2 nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của từng bị hại.

Ông V, anh T2, ông X không yêu cầu bồi thường nên không xem xét;

Bà Nh yêu cầu bị cáo và Dương Công T3 phải bồi thường nên cần buộc bị cáo và T3 liên đới bồi thường cho bà Nh giá trị tài sản bị chiếm đoạt chưa bồi thường là

21.300.000 đồng, chia phần bị cáo bồi thường 20.110.000 đồng, T3 phải bồi thường thường 1.190.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường của anh T1, anh N, người bảo vệ quyền và lợi ích cho Dương Công T3 đề nghị xác định trách nhiệm bồi thường T3 bộ thiệt hại thuộc về bị cáo T, Hội đồng xét xử thấy rằng, Dương Công T3 và bị cáo T cùng phạm tội, gây ra thiệt hại tài sản, nên phải liên đới bồi thường. Việc xác định trách nhiệm theo phần của từng người trong nghĩa vụ liên đới là dựa trên mức độ lỗi của mỗi người trong việc gây ra thiệt hại. Đối với việc trộm cắp tài sản của anh T1, anh N thì T3 đứng ngoài trông xe máy, cảnh giới để T vào trộm cắp nên T3 có một phần phần lỗi, do đó cần xác định phần nghĩa vụ bồi thường của T3 tương ứng, nên không chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi cho T3. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo và Dương Công T3 liên đới bồi thường số tiền 5.200.000 đồng cho anh T1, chia phần bị cáo phải bồi thường 4.700.000 đồng, T3 500.000 đồng; buộc bị cáo và Dương Công T3 liên đới bồi thường cho anh N số tiền 4.500.000 đồng, chia phần bị cáo 4.000.000 đồng, T3 500.000 đồng.

Do đến thời điểm xét xử T3 đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự, cần buộc T3 phải bồi thường bằng tài sản của mình, trường hợp T3 không có đủ tài sản để bồi thường thì bố mẹ của T3 là bà Vũ Thị H và ông Dương Công T1 phải bồi thường phần còn thiếu.

Bị cáo cùng T3, S thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Đăng Văn X, bà Vũ Thị D nhưng ông bà không yêu cầu bị cáo và T3, S bồi thường, nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô BKS 34M6-9228, nhãn hiệu AURICA, bị cáo khai là xe bị cáo mua của một người không quen biết. Quá trình điều tra xác định được xe này có đăng ký tên ông Đoàn Văn H1 ở Vô lượng, Thống Nhất, Gia Lộc, Hải Dương. Ông H1 khai đã bán xe cho một người không biết tên tuổi, địa chỉ và nay ông không có yêu cầu gì về chiếc xe này. Xác minh tại công an tỉnh Hải Dương cho kết quả: Chiếc xe này không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chiếc xe trên là của bị cáo T. Bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách nhà nước (kèm theo đăng ký xe máy số 0067701).

01 vỏ điện thoại iphone 6 plus là vỏ điện thoại của anh Vũ Phương T1 không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng do là hộ nghèo, nên được miễn. Bị cáo và Dương Công T3 phải bồi thường, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng bị cáo là hộ nghèo, T3 là trẻ em nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Những vấn đề khác: Đối với hành vi của T3, có dấu hiệu tội phạm nhưng khi thực hiện các hành vi chiếm đoạt, T3 chưa đủ 16 tuổi, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự, T3 không phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự (tội phạm ít nghiêm

trọng).Đối với hành vi của Trần Văn S tham gia cùng T3, T trộm cắp tài sản có giá trị 450.000 đồng nên S không phạm tội. Hành vi của T3, S là vi phạm hành chính và đã bị xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp. Đối với Nguyễn Duy P cho T3 mượn xe máy nhưng không biết việc T3 sử dụng xe máy để trộm cắp tài sản; những người mua, được tặng cho tài sản trộm cắp nhưng không biết nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo 24 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 10 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang về tội Trộm cắp tài sản, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 34 (ba mươi tư) tháng tù, tính từ ngày bị tạm giam 13/11/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Lê Văn T và Dương Công T3 phải liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị Nh số tiền 21.300.000 đồng (phần của T 20.110.000 đồng, phần của T3 là 1.190.000 đồng); liên đới bồi thường cho anh Vũ Phương N số tiền 4.500.000 đồng (phần của T là 4.000.000 đồng, phần của T3 là 500.000 đồng); cho anh Vũ Phương T1 số tiền 5.200.000 đồng (phần của T là 4.700.000 đồng, phần của T3 là 500.000 đồng). Trường hợp Dương Công T3 không đủ tài sản để bồi thường, thì bà Vũ Thị H và ông Dương Công T1 phải bồi thường thay cho T3 phần còn thiếu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được bồi thường có đơn yêu cầu thi hành án, thì bị cáo Lê Văn T và Dương Công T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước xe mô tô BKS 34M6-9228, nhãn hiệu AURICA (kèm theo đăng ký xe); Tịch thu, tiêu hủy 01 vỏ điện thoại iphone 6 plus. Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/02/2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bình Giang.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Miễn cho bị cáo tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm. Miễn cho Dương Công T3 án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án về quyền lợi của mình kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT CAH Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường